

**DANH SÁCH SINH VIÊN LÀ THỦ KHOA (THEO TỪNG PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN)
KHÓA QH-2025 NỘP HỌC PHÍ NIÊN CHẾ TRONG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 574 /QĐ-ĐHCN, ngày 26 tháng 3 năm 2026,
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	CTĐT	Số tháng	Số tiền HP trước khi cấp HB (đ)	Số tiền HP sau khi cấp HB (đ)	Ghi chú
1	25020032	Hoàng Xuân Bách	17/12/2007	ĐMKTKT	5	20.000.000	0	Cấp HB = 1 năm HP
2	25022534	Trần Hữu Thịnh	09/07/2007	ĐMKTKT	5	20.000.000	0	
3	25022030	Nguyễn Ngọc Triệu	27/08/2007	ĐMKTKT	5	20.000.000	0	
4	25022776	Trần Đức Anh	26/10/2007	Chuẩn	5	17.000.000	0	
Tổng:						77.000.000	0	
<i>Số tiền sinh viên phải nộp: Không đồng./.</i>								

**DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHCN ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
NỘP HỌC PHÍ NIÊN CHẾ TRONG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 574 /QĐ-ĐHCN, ngày 26 tháng 3 năm 2026, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

- Đối với khóa QH-2021 chuẩn trở về trước: 1,850,000đ/tháng;
- Đối với khóa QH-2022 chuẩn: Ngành CNNN: 2,000,000đ/tháng; Ngành CNHKVT, CNKTXD: 2,500,000đ/tháng; Các ngành khác: 3,000,000đ/tháng;
- Đối với khóa QH-2023, QH-2024, QH-2025 chuẩn: 3,400,000đ/tháng;
- Đối với khóa QH-2023, QH-2024, QH-2025 ĐMKTKT: 4,000,000đ/tháng;
- Đối với CTĐT CLC theo TT23: 3,500,000đ/tháng;
- Nhà nước cấp bù theo định mức tối đa là 1,850,000đ/sinh viên/tháng, phần chênh lệch học phí Nhà trường sẽ cấp hỗ trợ.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
	I.	CTĐT THEO ĐỊNH MỨC CHUẨN							
1	22020138	Vũ Danh Thái	30/03/2004	CNNN	Miễn HP (Chuẩn mức 3)	10.000.000	9.250.000	750.000	0
2	22021182	Lương Văn Kết	14/02/2004	CNTT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
3	22021200	Phạm Đức Hoàng	23/06/2004	CNTT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
4	22021214	Triệu Minh Nhật	14/04/2004	CNTT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
5	22021220	Phạm Hồng Phúc	27/12/2004	CNTT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
6	22021547	Đỗ Tiến Thành	06/10/2004	KTĐK&TĐH	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
7	22021566	Lê Thiêm Giang	01/08/2004	KTĐK&TĐH	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
8	22022138	Nguyễn Quốc An	26/10/2004	KTMT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
9	22022140	Nguyễn Hoàng Phương	23/03/2004	KTMT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
10	22022523	Trần Văn Dy	14/07/2004	TTNT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
11	22022640	Nguyễn Lâm Tùng Bách	30/07/2004	TTNT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
12	22023102	Hoàng Bùi Huy	22/03/2004	VLKT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
13	22023126	Đỗ Chung Chiến	26/01/2004	VLKT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
14	22023152	Vũ Văn Ngọc	24/12/2004	VLKT	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
15	22027161	Nguyễn Bảo Khánh	15/02/2004	CN HKVT	Miễn HP (Chuẩn mức 2)	12.500.000	9.250.000	3.250.000	0
16	22027178	Lê Quốc Đạt	18/04/2004	CN HKVT	Miễn HP (Chuẩn mức 2)	12.500.000	9.250.000	3.250.000	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
17	22027513	Phàn Quý Đường	04/04/2004	KTRB	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000	5.750.000	0
18	23020006	Mai Khả Anh	01/12/2005	CNTT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
19	23020033	Trương Quang Duy	16/07/2005	CNTT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
20	23020153	Nguyễn Phú Thái	20/02/2005	CNTT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
21	23020160	Phạm Đức Thiện	04/03/2005	CNTT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
22	23020271	Nguyễn Khắc Hiếu	19/08/2005	KTĐK&TĐH	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
23	23020329	Nguyễn Vũ Quang Anh	06/09/2005	TTNT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
24	23020347	Đặng Đức Duy	13/05/2005	TTNT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
25	23020418	Phạm Quân	15/08/2005	TTNT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
26	23020682	Châu Khánh Ly	22/09/2005	CNTT ĐHTTNB	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
27	23020949	Đinh Thị Ngọc Linh	07/12/2005	VLKT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
28	23020977	Phạm Thị Thu Thủy	17/05/2005	VLKT	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
29	23021010	Nguyễn Bá Hiếu	20/06/2005	CNKT CĐT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
30	23021032	Phạm Đình Khôi Nguyễn	25/03/2005	CNKT CĐT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
31	23021385	Bùi Mạnh Dũng	13/09/2005	CNHKVT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
32	24022087	Hà Ngọc Bảo	24/12/2006	KTĐK&TĐH	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
33	24022135	Đỗ Văn Hùng	07/10/2006	KTĐK&TĐH	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
34	24022201	Lô Thị Diệu Sơn	05/11/2006	KTĐK&TĐH	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
35	24022340	Trần Duy Hoàng	26/08/2006	TTNT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
36	24022459	Trần Đức Thịnh	12/06/2006	TTNT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
38	25022910	Đinh Ngọc Linh	18/11/2007	TTNT	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
39	25022913	Nguyễn Phương Linh	02/02/2007	TTNT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
40	25022972	Nguyễn Tấn Phát	24/02/2007	TTNT	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
41	25023712	Trần Quỳnh Anh	07/11/2006	TKCN&ĐH	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
42	25023772	Nguyễn Thúy Bích Hằng	18/05/2007	TKCN&ĐH	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
43	25024022	Kiều Quốc Phòng	18/11/2007	CNVL	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
44	25024189	Đào Đức Dũng	27/06/2007	CNSH	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
45	25024221	Lê Thị Thủy	27/03/2006	CNSH	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000	7.750.000	0
46	22021180	Trần Văn Công	05/11/2003	CNTT	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
47	22021187	Lường Thị Hảo	28/10/2004	CNTT	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
48	22021189	Đình Hoàng Nam	14/04/2004	CNTT	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
49	22021190	Trần Anh Tú	03/01/2003	CNTT	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
50	22021215	Lương Mạnh Linh	27/11/2004	CNTT	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
51	22021519	Lê Hoàng Anh Lượng	03/06/2004	KTĐK&TĐH	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
52	22021524	Hoàng Thái Sơn	01/06/2004	KTĐK&TĐH	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
53	22022102	Vũ Đình Vương	23/11/2004	KTMT	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
54	22022130	Bùi Việt Hoàng	07/01/2003	KTMT	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
55	22022131	Lao Văn Hùng	01/08/2003	KTMT	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
56	22023185	Dương Đình Vương	27/11/2003	VLKT	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
57	22024102	Vi Ngọc Trí	01/11/2003	CKT	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
58	22026528	Đỗ Hoài Nam	22/08/2003	CNTT ĐHTTNB	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
59	22026529	Tổng Việt Tùng	04/03/2003	CNTT ĐHTTNB	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
60	22026536	Trương Đức Quang	11/10/2004	CNTT ĐHTTNB	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000	5.750.000	2.775.000
61	22027114	Bùi Đức Mạnh	04/02/2004	CNHKVT	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 2)	12.500.000	6.475.000	3.250.000	2.775.000
62	23020017	Nguyễn Phú Cường	13/12/2005	CNTT	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
63	23020075	Hà Mạnh Hùng	16/08/2005	CNTT	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
64	23020080	Đình Việt Huy	21/06/2005	CNTT	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
65	23020371	Hoàng Mạnh Hùng	27/02/2005	TTNT	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
66	23020697	Tần Văn Quyên	18/09/2005	CNTT ĐHTTNB	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
67	23020705	Lù Minh Tường	31/10/2005	CNTT ĐHTTNB	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
68	23020745	Lăng Văn Huy	12/08/2005	KTRB	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
69	23020748	Lục Văn Khoa	12/02/2005	KTRB	Giảm 70%HP (chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
70	23020758	Bùi Anh Quân	25/08/2005	KTRB	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
71	23020817	Võ Việt Hoàng	27/12/2005	KTMT	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
72	23020849	Lê Thị Linh Nga	05/12/2005	KTMT	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
73	23021026	Đàm Đức Mạnh	22/02/2005	CKT	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
74	23021107	Đồng Văn Hải	16/02/2005	CNKTXD	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
75	23021121	Đình Thị Huế	04/08/2005	CNKTXD	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
76	23021178	Nguyễn Thủy Tiên	13/11/2005	CNKTXD	Giảm 70%HP (chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
77	24022089	Nguyễn Văn Bình	01/04/2006	KTĐK&TĐH	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
78	24022098	Dương Minh Đức	18/07/2006	KTĐK&TĐH	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
79	24022111	Lê Vũ Duy	26/08/2006	KTĐK&TĐH	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
80	24022245	Bùi Tuấn An	15/01/2006	TTNT	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
81	24022397	Đặng Quang Minh	04/02/2006	TTNT	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
82	24022419	Quách Lê Hồng Ngọc	04/12/2006	TTNT	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
83	24022961	Nguyễn Quốc Đạt	09/11/2006	TKCN&ĐH	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
84	25022782	Nông Văn Bách	23/11/2007	TTNT	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
85	25023009	Hoàng Thị Ngọc Sơn	10/02/2007	TTNT	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
86	25023061	Hà Doãn Trọng	22/06/2007	TTNT	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000	7.750.000	2.775.000
87	22021555	Nguyễn Công Thành	22/06/2004	KTĐK&TĐH	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000	5.750.000	4.625.000
88	22021586	Lê Ngọc Đức	04/12/2004	KTĐK&TĐH	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000	5.750.000	4.625.000
89	22022520	Phạm Long Nhật	20/11/2004	TTNT	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000	5.750.000	4.625.000
90	22022552	Trần Đức Đăng Khôi	19/05/2004	TTNT	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000	5.750.000	4.625.000
91	22022560	Phạm Khắc Tiệp	15/09/2004	TTNT	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000	5.750.000	4.625.000
92	22022626	Hồ Hà Ngọc Nhất	12/09/2004	TTNT	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000	5.750.000	4.625.000
93	23020164	Phạm Minh Thông	17/01/2005	CNTT	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
94	23020792	Bùi Tiến Dũng	01/09/2005	KTMT	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
95	23020997	Vũ Mạnh Chiến	22/05/2005	CKT	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
96	24022326	Hoàng Mạnh Hiếu	22/11/2006	TTNT	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
97	24022944	Trương Ngọc Anh	21/05/2006	TKCN&ĐH	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
98	24023094	Nguyễn Thành Vinh	17/08/2006	TKCN&ĐH	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
99	25021090	Hoàng Duy Long	27/07/2007	CKT	Giảm 50% HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
100	25022808	Nguyễn Hữu Dũng	10/07/2007	TTNT	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
101	25023774	Đặng Minh Hiếu	19/02/2006	TKCN&ĐH	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000	7.750.000	4.625.000
					Tổng MGHP chuẩn:	1.626.500.000	751.100.000	692.250.000	183.150.000
	II.	CTĐT THEO ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT							
102	23020531	Nguyễn Mạnh Hà	28/02/2005	HTTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
103	23020565	Đặng Anh Quế	19/08/2005	HTTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
104	23021484	Đỗ Quang Cường	07/11/2005	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
105	23021518	Hoàng Thành Đạt	24/07/2005	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
106	23021566	Lưu Văn Hùng	05/03/2004	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
107	23021570	Tổng Đức Hùng	19/12/2005	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
108	23021732	Lê Huy Thực	24/05/2005	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
109	23021810	Nguyễn Thanh Hà	04/04/2005	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
110	23021820	Đỗ Trung Hiếu	01/01/2005	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
111	23021854	Hoàng Bình Lâm	03/12/2005	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
112	23021917	Bùi Văn Thành	04/10/2005	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
113	24020100	Đình Văn Dương	12/12/2006	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
114	24020121	Tổng Ngọc Hiền	19/02/2006	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
115	24020208	Nguyễn Hữu Hải Long	14/11/2006	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
116	24020251	Nguyễn Trung Nghĩa	07/02/2006	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
117	24020319	Thìn Thị Thúy	15/04/2006	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
118	24020439	Phạm Xuân Đạt	18/08/2006	KTMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
119	24020474	Trần Anh Duy	10/25/2006	KTMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
120	24020643	Đình Văn Thái	12/12/2006	CNKTXD	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
121	24020764	Phạm Đình Kiên	01/09/2006	VLKT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
122	24020921	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/09/2006	CNKTXD	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
123	24021096	Đặng Thìn Dũng	30/11/2006	CNKT CĐT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
124	24021165	Ngô Hải Nam	26/02/2006	CNKT CĐT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
125	24021168	Phạm Thanh Nghĩa	15/04/2006	CNKT CĐT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
126	24021423	Bùi Tiến Dũng	13/01/2006	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
127	24021613	Nguyễn Anh Sơn	07/12/2006	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
128	24021679	Hoàng Long Vũ	05/08/2006	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
129	24021849	Lê Chí Kiên	04/12/2006	CNKT ĐT-VT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
130	24021890	Nguyễn Quang Minh	01/01/2006	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
131	24022537	Phạm Mạnh Hùng	27/01/2006	KTNL	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
132	24022652	Trần Duy Hiếu	01/07/2006	HTTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
133	24022712	Đàm Hồng Quân	01/10/2006	HTTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
134	24022793	Phạm Huy Hoàng	29/04/2006	MMT&TTDL	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
135	25020038	Lê Hữu Bằng	24/03/2007	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
136	25020213	Đặng Nam Khánh	15/06/2007	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
137	25020273	Phạm Công Minh	20/12/2007	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
138	25020316	Đặng Đức Phú	21/04/2007	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
139	25020338	Nguyễn Anh Quân	30/08/2007	CNTT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
140	25020526	Lê Quang Đạo	29/09/2007	KTMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
141	25020562	Đỗ Minh Hải	21/04/2007	KTMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
142	25020788	Nguyễn Bá Tân	14/12/2007	KTMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
143	25021096	Lê Ngọc Nam	18/10/2007	CKT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
144	25021274	Trần Đình Thông	19/02/2007	CNKTXD	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
145	25021462	Trần Anh Tuấn	16/06/2007	CNKT CĐT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
146	25021583	Chu Minh Tấn	19/08/2007	CNHKVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
147	25021614	Đặng Ngọc Anh	12/07/2007	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
148	25021723	Trần Bá Định	15/10/2007	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
149	25021741	Trương Anh Đức	15/01/2007	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
150	25021914	Lê Thị Bảo Ngọc	25/04/2007	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
151	25021954	Nguyễn Thanh Quang	12/12/2006	KHMT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
152	25022117	Phạm Văn Duân	01/10/2007	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
153	25022179	Hoàng Anh Đức	10/06/2007	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
154	25022361	Kiều Anh Minh	11/01/2007	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
155	25022366	Lý Hoàng Minh	08/07/2007	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
156	25022399	Nguyễn Bá Trí Nhân	13/05/2007	CNKT ĐTVT	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
157	25022661	Đặng Minh Hải	02/11/2007	KTĐK&TĐH	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
158	25023462	Trần Đức Đạt	09/12/2007	MMT&TTDL	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
159	25023522	Đặng Trần Minh Quốc	06/02/2007	MMT&TTDL	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
160	25023579	Hoàng Đức Đại	01/11/2007	KTRB	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
161	25023613	Doãn Gia Hưng	29/10/2007	KTRB	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
162	25023631	Lê Văn Lợi	08/10/2007	KTRB	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
163	25024228	Lô Duy Khánh	24/02/2006	KTĐK&TĐH	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000	10.750.000	0
164	23020626	Ma Đức Minh	21/01/2005	MMT&TTDL	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
165	23020878	Quách Thanh Tuấn	22/01/2005	KTMT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
166	23021627	Lò Châu Minh	23/09/2005	KHMT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
167	24020067	Bùi Văn Đình	08/02/2006	CNTT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
168	24020289	Đàm Thiên Quốc	10/10/2006	CNTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
169	24020330	Nguyễn Thị Kiều Trinh	09/07/2005	CNTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
170	24020443	Hoàng Khánh Điệp	03/02/2006	KTMT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
171	24020482	Giàng Hải Hà	19/01/2006	KTMT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
172	24020484	Giàng A Hải	04/11/2006	KTMT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
173	24020486	Lương Minh Hải	02/06/2005	KTMT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
174	24020540	Nông Việt Khánh	11/24/2005	KTMT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
175	24020664	Đặng Minh Tiếp	03/06/2006	KTMT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
176	24020690	Bùi Hoàng Việt	22/09/2006	KTMT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
177	24020731	Nông Đức Dũng	23/09/2006	VLKT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
178	24020825	Phạm Vũ Quốc Việt	16/01/2006	VLKT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
179	24021211	Bùi Xuân Trường	04/11/2006	CNKT CĐT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
180	24021303	Đặng Trần Nguyên	02/10/2006	CN HKVT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
181	24021408	Lục Thị Điệp	27/12/2006	KHMT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
182	24021485	Lã Việt Hoàng	08/04/2006	KHMT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
183	24021606	Đặng Nhật Quang	05/03/2006	KHMT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
184	24021635	Bùi Quang Thọ	03/01/2006	KHMT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
185	24021680	La Minh Vũ	15/03/2006	KHMT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
186	24021832	Triệu Thị Thanh Huyền	22/07/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
187	24021907	Chu Văn Nghĩa	15/04/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
188	24021912	Bùi Trí Nguyễn	15/09/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
189	24021925	Vi Dương Phong	09/07/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
190	24021958	Phạm Văn Sơn	25/01/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
191	24022567	Lý Thị Bích Ngọc	12/02/2006	KTNL	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
192	24022724	Bùi Thái Sơn	07/03/2006	HTTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
193	24022839	Bùi Anh Tuấn	12/11/2006	MMT&TTDL	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
194	25020190	Đình Nguyễn Hưng	23/01/2007	CNTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
195	25020253	Bùi Duy Mạnh	18/10/2007	CNTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
196	25020325	Trần Hữu Phước	05/08/2007	CNTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
197	25020367	Đình Khánh Toàn	03/11/2007	CNTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
198	25021298	Chu Thị Kiều Anh	07/06/2007	CNKT CĐT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
199	25021422	Bùi Đình Ngọc	03/12/2007	CNKT CĐT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
200	25021509	Hà Nhị Bình	17/10/2007	CNHKVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
201	25021544	Vũ Mai Hương	20/05/2007	CNHKVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
202	25021588	Dương Quang Tùng	07/04/2007	CNHKVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
203	25022554	Ngô Thế Trọng	27/04/2007	CNKT ĐTVT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
225	25023413	Trần Xuân Triều	01/02/2007	HTTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
204	25023362	Phùng Mai Phương	19/04/2007	HTTT	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
206	25023673	Hoàng Nông Tuấn	28/04/2007	KTRB	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000	10.750.000	2.775.000
207	23020514	Phạm Phúc Việt Anh	21/01/2005	HTTT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
208	23020628	Nguyễn Tuệ Minh	23/12/2005	MMT&TTDL	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
209	23021499	Võ Minh Dũng	17/03/2005	KHMT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
210	23021910	Trần Anh Tuấn	31/10/2005	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
211	24020475	Trần Lê Duy	06/06/2006	CNKTXD	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
212	24020523	Phan Bùi Tiến Hùng	26/01/2006	KTMT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
213	24020564	Lê Duy Mạnh	12/24/2006	KTMT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
214	24020746	Lê Huy Hoàng	10/06/2006	VLKT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
215	24020945	Nguyễn Anh Đức	06/01/2006	CNKTXD	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
216	24021073	Trần Văn Báu	06/09/2006	CNKT CĐT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
217	24021206	Trần Đức Trọng	08/03/2006	CNKT CĐT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
218	24021272	Nguyễn Đức Hoàn	21/08/2006	CN HKVT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
219	24021496	Nguyễn Minh Hùng	03/02/2006	KHMT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
220	24021777	Bùi Hoàng Hải	20/08/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
221	24021810	Nguyễn Xuân Hùng	22/04/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
222	24021845	Phan Trọng Khôi	19/07/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
223	24021866	Nguyễn Nhật Linh	29/10/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
224	24021931	Nguyễn Thị Mai Phương	20/06/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
225	24021979	Phạm Công Thứ	20/01/2006	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
226	24022497	Nguyễn Tuấn Anh	22/03/2006	KTNL	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
227	24022910	Lê Xuân Thành	23/01/2006	KTRB	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
228	24022926	Nguyễn Hữu Tùng	12/07/2006	KTRB	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
229	25020440	Nguyễn Trường An	26/10/2007	KTMT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
230	25020692	Đình Ngọc Minh	06/12/2007	KTMT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
231	25020782	Trần Trường Sơn	06/07/2007	KTMT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
232	25021103	Vũ Minh Quang	29/12/2007	CKT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
233	25021115	Phạm Anh Vũ	21/11/2007	CKT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
234	25022111	Nguyễn Đình Chính	25/06/2007	CNKT ĐTVT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
235	25022428	Nguyễn Quỳnh Phương	09/03/2007	CNKT ĐTVT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
236	25022508	Nguyễn Minh Thái	16/11/2007	CNKT ĐTVT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
237	25022663	Phạm Bá Hiệp	31/10/2007	KTĐK&TĐH	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
238	25022668	Trần Anh Hoàng	09/12/2007	KTĐK&TĐH	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
239	25023333	Lê Phương Nam	18/02/2007	HTTT	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
240	25023596	Trần Đỗ Đức Hiệp	28/06/2007	KTRB	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000	10.750.000	4.625.000
					Tổng MGHP ĐMKTKT:	2.780.000.000	1.009.175.000	1.494.250.000	276.575.000
	III.	CTĐT THEO ĐỊNH MỨC TT23							
241	22026114	Hoàng Tùng Dương	11/09/2004	CNKT CĐT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
242	22028037	Trịnh Ngọc Chiến	06/12/2004	KHMT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
243	22028093	Chu Quang Cần	23/01/2004	KHMT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
244	22028298	Nguyễn Đức Phát	13/04/2004	KHMT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
245	22028304	Lê Trung Hiếu	10/09/2004	KHMT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
246	22028307	Nguyễn Nhật Quang	14/12/2003	KHMT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
247	22028328	Nguyễn Nho Hiếu	10/01/2004	KHMT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
248	22029014	Hà Đức Minh	21/12/2004	CNKT ĐTVT	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000	8.250.000	0
249	22028176	Mã Nguyễn Khánh Hùng	15/05/2004	KHMT	Giảm 70%HP (TT23)	17.500.000	6.475.000	8.250.000	2.775.000
250	22028256	Tô Phan Tú	20/09/2004	KHMT	Giảm 70% HP (TT23)	17.500.000	6.475.000	8.250.000	2.775.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)	KP nhà trường hỗ trợ (đ)	HP SV phải nộp (đ)
251	22028259	Hoàng Đức Dương	25/12/2004	KHMT	Giảm 70%HP (TT23)	17.500.000	6.475.000	8.250.000	2.775.000
252	22028270	Nguyễn Quang Trung	07/08/2004	KHMT	Giảm 70%HP (TT23)	17.500.000	6.475.000	8.250.000	2.775.000
253	21021580	Phạm Thu Hằng	14/09/2003	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (TT23)	3.500.000	925.000	1.650.000	925.000
254	22025530	Nguyễn Bảo Ngọc	02/11/2004	MMT&TTDL	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000	8.250.000	4.625.000
255	22025537	Nguyễn Quang Anh	08/12/2004	MMT&TTDL	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000	8.250.000	4.625.000
256	22028203	Đặng Mạnh Cường	16/12/2004	KHMT	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000	8.250.000	4.625.000
257	22029095	Trần Tuấn Hưng	30/11/2004	CNKT ĐTVT	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000	8.250.000	4.625.000
					Tổng MGHP TT23:	283.500.000	119.325.000	133.650.000	30.525.000
					Tổng MGHP toàn trường (gồm 257 sinh viên):	4.690.000.000	1.879.600.000	2.320.150.000	490.250.000
<i>Số tiền phải nộp theo quyết định: Bốn trăm chín mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng./.</i>									